TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 09 - 2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Hồ Dũng

Bà Bùi Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hưởng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025 tại phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị L** - SN: 1986

Địa chỉ: Thôn 09, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lương Văn T** – SN: 1985

Địa chỉ: Thôn 09, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/06/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Chị L và anh Lương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2006 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2006. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 03 con chung, cháu Lương Kim C – SN:

22/08/2005; Lương Kim A – SN: 02/06/2008; Lương Hoàng L – SN: 10/09/2014. Nhưng thời gian sau vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là tình cảm dẫn đến chị và anh T đã sống ly thân với nhau 01 năm nay. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn nếu cứ kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T không có con nuôi, con riêng, anh chị có 03 con chung, cháu Lương Kim C – SN: 22/08/2005; Lương Kim A – SN: 02/06/2008; Lương Hoàng L – SN: 10/09/2014. Nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Lương Kim A, Lương Hoàng L cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Lương Kim C đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên chị Vi Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lương Văn T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã E, tại nhà anh Lương Văn T và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tuy nhiên anh T đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh Lương Văn T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 04 tháng 08 năm 2025 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn chị L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không có ý kiến tranh luận gì, Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật

tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Lương Văn T, về con chung giao cháu Lương Kim A; Lương Hoàng L cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, đối với cháu Lương Kim C đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí chị Vi Thị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Vi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn T có nơi cư trú tại thôn 09, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nay là thôn 09, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Lương Văn T, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã E, tại nhà anh Lương Văn T và tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tuy nhiên anh T đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Vi Thị L và anh Lương Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2006 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị L và anh Lương Văn T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị L, anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, không hàn gắn được, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị L, anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị Vi Thị L được ly hôn với anh Lương Văn T là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T không có con nuôi, con riêng anh chị có 03 con chung, cháu Lương Kim C – SN: 22/08/2005; Lương Kim A – SN: 02/06/2008; Lương Hoàng L – SN: 10/09/2014. Nay ly hôn chị L yêu cầu nuôi cháu A, cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy chị L có công việc ổn định, và có nơi cư trú ổn định nên chị L có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cũng theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao cháu Lương Kim A, Lương Hoàng L cho chị L nuôi dưỡng. Đối với anh T thường vắng mặt tại địa phương, không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Đối với cháu Lương Kim C đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Vi Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 1 Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị L, xử cho chị Vi Thị L được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lương Kim A – SN: 02/06/2008; Lương Hoàng L – SN: 10/09/2014 cho chị Vi Thị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thị L không được quyền ngăn cản anh Lương Văn T đến thăm nom chăm sóc con chung.

Đối với cháu Lương Kim C – SN: 22/08/2005 đã trên 18 tuổi, đã có gia đình riêng nên chị Vi Thị L và anh Lương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị L không yêu cầu anh Lương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Vi Thị L và anh Lương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Vi Thị L.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh